TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2024
V/v "Yêu cầu ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Dản.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Huy Xuân;

2. Bà Trần Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh - Thư ký Tòa án huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 432/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Thôn 2, xã S, huyện C, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: Thôn 2, xã S, huyện C, tỉnh B.
(Bà B có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các buổi làm việc tại tòa án, Bà Lê Thị B trình bày:

Giữa bà Lê Thị B và ông Nguyễn Anh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện C, tỉnh B, vào ngày 25/4/2009 (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15 quyển số 01/2009) hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Trong thời gian chung sống bà B và ông T thường xảy ra cãi vả, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng và mọi nỗ lực níu kéo, hàn gắn đều không có kết quả.

Nay bà B nhận thấy giữa hai vợ chồng bà B và ông T không thể nào tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn lại được tình cảm với nhau để đi đến mục đích hôn nhân. Cho nên, bà B yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc ly hôn để bà B sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về hôn nhân: Bà B xin được ly hôn với ông Nguyễn Anh T, sinh năm: 1972;

Về con chung: Bà B và ông T có 01 con chung: Cháu Nguyễn Nhựt Tr, sinh ngày: 01/01/2000. Cháu Tr hiện nay đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà B không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà B không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà B đồng ý nộp tiền án phí.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Kết quả thu thập chứng cứ: Theo kết quả xác minh tại địa phương được thể hiện ông T có hộ khẩu tại địa phương, hiện nay đang sinh sống tại địa phương. Trong quá trình sinh sống tại địa phương nhận thấy ông T có tính nghiện rượu. Ông T không đến Tòa án để làm việc, hòa giải nên Tòa không thể hàn gắn tình cảm cho bà B và ông T được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Anh T có đăng ký kết hôn, bà B xin ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình. Hiện ông Nguyễn Anh T đang cư trú tại Thôn 2, xã S, huyện C nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà B có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xử vắng mặt đối với bà B, ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Anh T yêu thương nhau rồi đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh B. Trong thời gian chung sống bà B và ông T thường xảy ra cãi vả, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, và không thể hàn gắn được.

Trong các buổi hòa giải tại tòa án, thì bà B có mặt còn ông T thì vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Theo kết quả xác minh tại địa phương được thể hiện ông T có hộ khẩu tại địa phương, hiện nay đang sinh sống tại địa phương nhưng không đến Tòa án để làm việc, hòa giải nên Tòa không thể hàn gắn tình cảm cho bà B và ông T được.

Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, và kết quả thu thập chứng cứ trong các biên bản hòa giải, biên bản xác minh có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, cả hai đều không có tiếng nói chung, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị B .

[3] Về con chung: Bà B và ông T có 01 con chung: Cháu Nguyễn Nhựt Tr, sinh ngày: 01/01/2000. Cháu Tr hiện nay đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị B không yêu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị B phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Anh T.

Về con chung: Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhựt Tr, sinh ngày 01/01/2000. Hiện cháu Tr đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị B phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà bà B đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số 0001598 ngày 14/11/2023. Như vậy bà Lê Thị B đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/3/2024), nhưng do bà B, ông T vắng mặt, thì thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết có quyền yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- VKSND H.Châu Đức;
- Các đương sự;
- THADS H.Châu Đức;
- UBND xã Suối Rao;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ